

Bản án số: 154/2023/HS-ST
Ngày 23-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Na

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bé Thị Chiều

Ông Nông Quốc Khôi

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Văn Như, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Đàm Đình Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 142/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 636/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị T; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 27/12/1986 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm P, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 02/12; con ông: Hoàng Văn L, sinh năm 1945; Con bà: Hoàng Thị T1, sinh năm 1942; có Chồng: Lý Văn H (đã chết) và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Liêu Thị D; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 14/7/1985 tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Liêu Văn Q, sinh năm 1960; con bà: Hoàng Thị H1, sinh năm 1962; có Chồng: Nông Ích L1, sinh năm 1984 và 02 con; Có 04 chị em ruột; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

3. Hoàng Thị Q1; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 10/3/1989, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Hoàng Văn R (đã chết) và bà: Hoàng Thị M, sinh năm 1957; có Chồng: Lý Văn K, sinh năm 1985 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/4/2023, đến ngày 11/7/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. (Có mặt).

4. Lý Văn K; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 15/8/1985, tại huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Lý Văn P, sinh năm 1962 và bà: Nông Thị T2, sinh năm 1960; có Vợ: Hoàng Thị Q1, sinh năm 1989 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/4/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C. (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Liêu Thị D, Hoàng Thị T: Bà Hà Thị H2-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Lý Văn K, Hoàng Thị Q1: Ông Bé Văn B-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nông Ích L1-sinh năm 1984; trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam P1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên). (Vắng mặt).

Người làm chứng:

Nguyễn Thị T3 – sinh năm 1993; trú tại: Xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt).

Mai Văn N-sinh năm 1992; Trú tại: Xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ 45 phút ngày 20/4/2023 tổ công tác Đoàn biên phòng N1 làm nhiệm vụ tại xóm G, xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện Liêu Thị D (sinh năm 1985 trú tại xóm H, xã Đ, huyện T, Cao Bằng) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11K1-063.25 chở 02 người (gồm Nguyễn Thị T3 sinh năm 1993 trú tại xã T, huyện G, tỉnh Bạc Liêu; Mai Văn N sinh năm 1992 trú tại xã B, huyện C, tỉnh An Giang) đi về khu vực mốc 773 để cho 02 công dân trên xuất cảnh

trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng phương tiện về trụ sở làm rõ.

Mở rộng điều tra xác định được như sau: Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội hai lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 18/4/2023 Hoàng Thị T được một người Trung Quốc (không rõ họ tên địa chỉ) liên lạc qua W thuê T đến nhà nghỉ M1 tại thị trấn T, huyện T chở 04 người đến mốc 773 thuộc địa phận xóm G, xã K, huyện T để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công là 16.000.000 đồng. Sau khi nhận lời, T thuê Liêu Thị D (sinh năm 1985 trú tại xóm H, xã Đ, huyện T) dùng xe mô tô đi chở người với tiền công 500.000 đồng/01 người; thuê Hoàng Thị Q1 (sinh năm 1989 trú tại xóm G, xã K, huyện T) đi cảnh giới lực lượng chức năng; thuê Lý Văn K (chồng Q1) đến khu vực mốc 773 đi bộ dẫn người sang Trung Quốc; D, Q1, K đồng ý. Khoảng 05 giờ ngày 19/4/2023 T cùng D mỗi người điều khiển một xe mô tô đến nhà nghỉ M1 thì thấy 04 người (03 phụ nữ và 01 trẻ em) đang đứng chờ; theo sự phân công của T, D chở 02 phụ nữ đi trước, T thuê thêm một người lái xe ô tô chở 02 mẹ con đi sau, cùng thời điểm trên Quan đến khu vực Đồn biên phòng N1 cảnh giới lực lượng chức năng và báo cho T biết; khoảng 07 giờ cùng ngày khi D cùng người lái xe ô tô chở 04 người đến đường mòn lên mốc 773 thì K tiếp tục đi bộ dẫn 04 người xuất cảnh trót lọt sang Trung Quốc, sau đó T được người thuê chuyển vào tài khoản 16.080.000 đồng, T trả cho D 1.000.000 đồng; trả cho Q1 cùng K 7.000.000 đồng; trả cho người lái xe ô tô 300.000 đồng; T được hưởng lợi 7.780.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 19/4/2023 người Trung Quốc tiếp tục thuê Hoàng Thị T dẫn 04 người từ nhà nghỉ M1 đến mốc 773 để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với tiền công 16.000.000 đồng, sau đó T tiếp tục thuê Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K và một người lái xe ô tô không quen biết đi chở người và cảnh giới như lần trước. Khoảng 05 giờ ngày 20/4/2023 Q1 đến khu vực N1; Ky đến đường lên mốc 773 chờ để dẫn người đi bộ sang Trung Quốc; D điều khiển xe mô tô đến nhà nghỉ Minh Đ chở 02 người đi trước; người lái xe ô tô chở 02 người đi sau. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày khi D đang chở 02 người đến địa phận xóm G, xã K thì bị phát hiện bắt quả tang, còn người lái xe ô tô chở 02 người chạy thoát.

Hành vi của bị cáo Hoàng Thị T và đồng phạm đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ khởi tố về hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Với hành vi trên, tại Bản cáo trạng số 97/CT-VKSCB-P1, ngày 04 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo

Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố là đúng, không có ý kiến gì thắc mắc.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, khẳng định quyết định truy tố đối với các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Tội danh: Các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17; khoản 3 Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T, đề nghị xử phạt tù 05 năm tù đến 6 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 57; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Liêu Thị D; Lý Văn K, đề nghị xử phạt bị cáo Liêu Thị D, Lý Văn K mỗi bị cáo 04 năm đến 05 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Q1, đề nghị xử phạt 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu số tiền 7.780.000 đồng đối với Hoàng Thị T, số tiền 1.000.000 đồng đối với Liêu Thị D; số tiền 7.000.000 đồng đối với Hoàng Thị Q1 và Lý Văn K. (Xác nhận bị cáo Liêu Thị D, Lý Văn K, Hoàng Thị Q1 đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính)

Tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K-063.25 mang tên Nông Ích L1; 01 điện thoại của Liêu Thị D, 01 điện thoại của Hoàng Thị T, 01 điện thoại của Hoàng Thị Q1, 01 điện thoại của Lý Văn K.

Trả lại 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K-063.25 cho ông Nông Ích L1, Trả cho bị cáo Hoàng Thị T 01 Căn cước công dân, bị cáo Hoàng Thị Q1 01 Căn cước công dân.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Liêu Thị D, Hoàng Thị T trình bày luận cứ:
Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, tuy nhiên cần xem xét đến nhân thân, nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội; trước khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đều sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật có phần hạn chế, gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, các bị cáo là lao động chính, bị cáo Hoàng Thị T thì chồng đã chết, bị cáo D chồng đang đi chấp hành án, các con còn nhỏ, bố mẹ gia yếu. Cả 2 bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm s khoản 1 Điều 51; đối với bị cáo Liêu Thị D đã tự động tác động đến gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Hoàng Thị T được hưởng mức án thấp nhất vì đại diện Viện kiểm sát đề xuất; cho bị cáo Liêu Thị D được hưởng dưới mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Không áp dụng hình phạt bổ sung các bị cáo; về án phí: các bị cáo là người sống ở vùng điều kiện kinh tế-xã hội gặp nhiều khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự cho cả hai bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D đều nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Q1; Lý Văn K trình bày luận cứ:

Nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo, tuy nhiên cần xem xét đến nhân thân, nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh phạm tội; các bị cáo sinh ra và lớn lên ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, nhận thức pháp luật còn hạn chế, do cần tiền để thực hiện bồi thường cho con nên thực hiện hành vi phạm tội nguyên nhân một phần bị người khác lôi kéo; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; trong vụ án bị cáo Q1 chỉ giữ vai trò là người cảnh giới, bị cáo K là người thực hành; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lý Văn K, Hoàng Thị Q1 được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát; không áp dụng hình phạt bổ sung các bị cáo; về án phí: Các bị cáo là người sống ở vùng điều kiện kinh tế-xã hội gặp nhiều khó khăn nên đề nghị miễn án phí hình sự cho cả hai bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Thị Q1, Lý Văn K đều nhất trí với luận cứ của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang, căn cứ vào lời khai của công dân có ý định xuất cảnh trái phép; Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người xuất cảnh, số lượng người xuất cảnh trái phép, số tiền công được hứa trả cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 19, 20/4/2023 Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc 02 lần. Lần thứ nhất, ngày 19/4/2023 T, D, Q1, K tổ chức cho 04 người từ thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng đến mốc 773 thuộc địa phận xóm G, xã K, huyện T xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc trót lọt và được hưởng tiền công là 15.780.000 đồng. Lần thứ 2, ngày 20/4/2023 T, D, Q1, K dẫn 04 người từ thị trấn T, huyện T đến mốc G để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; khoảng 06 giờ cùng ngày, khi T, D, Q1, K đưa người đến xóm G, xã K, huyện T thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo Hoàng Thị T là bị cáo đầu vụ, là người trực tiếp nhận thông tin và chỉ đạo các bị cáo còn lại thực hiện hành vi. Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về việc đưa công dân xuất cảnh trái phép. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về tính chất, vai trò của từng bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Việc các bị cáo tự ý đón công dân Trung Quốc vào Việt Nam không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, nhằm mục đích để được hưởng lợi về kinh tế, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục, phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm qua đó phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về nhân thân*: Các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Cả 04 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo đã nộp lại số tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, ngoài ra bị cáo Hoàng Thị Q1 có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình, trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chấp hành tốt chủ trương đường lối, chính sách pháp luật và quy định nơi cư trú; Do vậy, các bị cáo Hoàng Thị Q1, Liêu Thị D, Lý Văn K được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Hoàng Thị Q1 và bị cáo Lý Văn K là hai vợ chồng cùng tham gia thực hiện hành vi phạm theo sự điều khiển, phân công của Hoàng Thị T, khi được T đặt vấn đề bị cáo đã cùng chồng là Lý Văn K tham gia thực hiện hành vi, bị cáo Hoàng Thị Q1 có nhiệm vụ cảnh giới, bị cáo Lý Văn K trực tiếp dẫn người xuất cảnh. Bị cáo Hoàng Thị Q1 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đóng vai trò đồng phạm giúp sức không đáng kể; ngoài ra theo xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bố mẹ sức khỏe yếu, con thứ nhất đang bị truy tố về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự, còn 01 con nhỏ sinh năm 2013, trước khi phạm tội bị cáo chấp hành tốt chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước và quy định của nơi cư trú có xác nhận của Chính quyền địa phương,

do đó Hội đồng xét xử có thể xem xét cho bị cáo được áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng án treo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo Hoàng Thị Q1 chăm sóc bố mẹ và các con.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, cần xem xét chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, các bị cáo đều chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Truy thu số tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Hoàng Thị T số tiền 8.080.000 đồng (bao gồm số tiền bị cáo hưởng lợi và số tiền bị cáo trả cho người xe ôm không quen biết), bị cáo Liêu Thị D 1.000.000 đồng; Bị cáo Hoàng Thị Q1 và Lý Văn K 7.000.000 đồng. (Xác nhận bị cáo Hoàng Thị Q1, Lý Văn K đã nộp số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản tạm gửi của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại K1 chi nhánh tỉnh C theo Giấy nộp tiền ngày 20/7/2023 – được ghi nhận trong biên bản giao nhận vật chứng số 180 ngày 18/9/2023).

Xác nhận bị cáo Liêu Thị D đã nộp số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004163 ngày 31/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 063.25, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại: BLADE, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh: 109; số khung: RLHJA3612EY021038, số máy: JA36E0066453, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2015, xe cũ đã qua sử dụng (không có gương chiếu hậu). Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 11/5/2023 của phòng C công an tỉnh C.

- Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp vào ngân sách nhà nước các điện thoại sau:

- + 01 điện thoại Vsmart màu xanh của Hoàng Thị T.
- + 01 điện thoại OPPO Reno5 màu bạc của Hoàng Thị Q1.
- + 01 điện thoại OPPO Reno5 màu bạc của Lý Văn K.
- + 01 điện thoại Honor V10 màu đỏ của Liêu Thị D.

- Trả lại cho ông Nông Ích L1 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 063.25, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA.

- Trả lại 01 Căn cước công dân cho Hoàng Thị T, 01 Căn cước công dân cho Hoàng Thị Q1.

[7] Về án phí: Các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật do các bị cáo là hộ nghèo, người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

1.1. Về tội danh: Các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

1.2. Căn cứ điều luật và hình phạt:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị T, xử phạt bị cáo 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/4/2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Liêu Thị D, xử phạt 04 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/4/2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn K, xử phạt 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/4/2023.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Thị Q1, xử phạt bị cáo 30 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Truy thu số tiền hưởng lợi từ hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Hoàng Thị T số tiền 8.080.000 đồng, bị cáo Liêu Thị D 1.000.000 đồng; Bị cáo Hoàng Thị Q1 và Lý Văn K 7.000.000 đồng. (Xác nhận bị cáo Hoàng Thị Q1, Lý Văn K đã nộp số tiền 7.000.000 đồng vào tài khoản tạm gửi của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại K1 chi nhánh tỉnh C theo Giấy nộp tiền ngày 20/7/2023 – được ghi nhận trong biên bản giao nhận vật chứng số 180 ngày 18/9/2023).

Xác nhận bị cáo Liêu Thị D đã nộp số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004163 ngày 31/8/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước: 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K1-063.25, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA, số loại: BLADE, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh: 109; số khung: RLHJA3612EY021038, số máy: JA36E0066453, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2015, xe cũ đã qua sử dụng (không có gương chiếu hậu). Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 11/5/2023 của phòng C công an tỉnh C.

- Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách nhà nước các điện thoại sau:

- + 01 điện thoại Vsmart màu xanh của Hoàng Thị T.
- + 01 điện thoại OPPO Reno5 màu bạc của Hoàng Thị Q1.
- + 01 điện thoại OPPO Reno5 màu bạc của Lý Văn K.
- + 01 điện thoại HONOR V10 màu đỏ của Liêu Thị D.

- Trả lại cho ông Nông Ích L1, sinh năm 1984; trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam P1, huyện P, tỉnh Thái Nguyên): 1/2 giá trị xe mô tô biển kiểm soát 11K1 – 063.25, loại xe: Hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu HONDA.

- Trả lại 01 Căn cước công dân cho Hoàng Thị T, 01 Căn cước công dân cho Hoàng Thị Q1.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 180 ngày 18 tháng 9 năm 2023.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 206/TANDTC-PC ngày

27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Các bị cáo Hoàng Thị T, Liêu Thị D, Hoàng Thị Q1, Lý Văn K được miễn án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình được ghi trong bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Na

